

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày 08-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Chự

Ông Đặng Hồng Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 03 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Quang V, tên gọi khác: không

Sinh năm 1959 tại huyện C, tỉnh H.

Hộ khẩu thường trú: Không xác định

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: **Bộ đội phục viên;**

Trình độ học vấn: **8/12;**

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: **Không;** Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Trần Thị V (đã chết)

Có vợ: **Lê Thị N, sinh năm: 1960**

Hiện sinh sống và làm nông tại Hẻm 16/58 đường Q, phường L, TP. P, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: **Ngày 23/7/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 36/2020/HSST ngày 23/7/2020 của TAND tỉnh Gia Lai.**

Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại giam T20.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Rmah D, sinh năm 1969

Địa chỉ: Làng L, xã O, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

2. Rơ Mah D1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Làng S, xã B, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

3. Hồ Văn B, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: 22 T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình T – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty. Vắng mặt

2. Ông Trương Quốc T1, sinh năm 1969

Địa chỉ: 220 T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Boòng, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

4. Ông Cao Xuân Thắng, sinh năm 1982

Địa chỉ: T 9 phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người phiên dịch: Ông Siu B3. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKS, ngày 28/10/2020, bị cáo Trần Quang V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng năm 2013, Trần Quang V có quen biết anh Trương Quốc T1 là nhân viên bán hàng Công ty Cổ phần C. Vào năm 2014, V có đứng ra ký hợp đồng mua phân bón của Công ty Cổ phần C rồi bán lại cho một số hộ dân ở huyện P. Do trong thời gian V đứng tên ký hợp đồng mua phân bón còn một số nợ cũ chưa thu hết tiền nên sau đó T1 bảo V không đứng tên nữa mà để người đại diện của xã, người có tư cách pháp nhân đứng ra ký hợp đồng.

Năm 2015, anh T1 có nói V quen biết ai thì giới thiệu mua phân của Công ty thì V sẽ được Công ty chiết khấu 10% , còn V chiết khấu lại cho người mua bao nhiêu thì do V thỏa thuận với khách hàng. Sau đó V đến UBND xã B và O để quảng bá, giới thiệu sản phẩm của công ty và bảo nếu mua phân của Công ty thì sẽ được chiết khấu lại 2%. Ngoài ra do có quen biết ông Hồ Văn B từ trước nên V có hỏi ông B có mua phân không thì ông B đồng ý mua. Sau đó V báo cho Công ty biết và trực tiếp đi cùng người của công ty đưa xe đến đón một số cán bộ xã B, O và ông B đi thăm quan nhà máy sản xuất của công ty, sau đó giao lưu cơm nước

rồi đưa về nhà. Sau khi tham quan về thì xã có phổ biến việc mua phân đến các hộ nông dân. Xã Ia O có 07 hộ đăng ký mua 13,5 tấn phân với tổng số tiền là 56.015.000 đồng. Xã B có 15 hộ dân đăng ký mua 10,7 tấn phân với tổng số tiền là 58.799.000 đồng. Ông Hồ Văn B đăng ký mua 11 tấn phân với số tiền 38.830.000 đồng. Sau khi các hộ dân đăng ký số lượng phân cần mua thì V báo cho anh T1, anh T1 báo cho công ty. Sáng ngày 20/5/2015, Công ty xuất phân theo số lượng đã đăng ký, anh T1 nhận phân sau đó lái xe cùng bốc vác đánh xe xuống giao phân theo sự dẫn đường của V (Khi đi V mặc quân phục bộ đội). Sau khi giao phân xong thì V mang giấy biên nhận về đưa cho anh T1. Sau đó anh T1 đưa cho V hợp đồng mua bán đã có chữ ký của anh T1 cho V đem đến cho các đại diện là ông Rơ Mah D, Nguyễn Ngọc B1, Hồ Văn B ký, sau đó V mang về đưa cho anh T1, anh T1 trình cho giám đốc ký. Đến tháng 11/2015, anh T1 đưa cho V các biên bản đối chiếu công nợ, V (Mặc quân phục bộ đội) đến gặp ông Rơ Mah D, Nguyễn Ngọc B1, Hồ Văn B đối chiếu và xác nhận công nợ, đồng thời nhắc các hộ trên đơn đốc thu tiền nộp cho công ty, các biên bản trên V đưa về giao cho anh T1. Các hộ dân phải thực hiện thanh toán tiền cho Công ty trước ngày 31/12/2015 theo Hợp đồng đã thỏa thuận. Việc thu tiền do nhân viên bán hàng của công ty trực tiếp đi thu, công ty hỗ trợ xe ô tô, phiếu thu do nhân viên bán hàng giữ. Khi thu tiền phải viết phiếu thu 03 liên, giao khách hàng 01 liên, nhân viên bán hàng 01 liên, kế toán công ty giữ 01 liên. V không được giao việc thu tiền bán phân.

Đến tháng 12/2015 thì anh T1 có đi cùng V đến nhà ông B để thu nợ nhưng ông B không có nhà. Đồng thời, V có liên hệ với ông B1, ông D hỏi đã thu tiền chưa thì những người trên bảo chưa thu được. Khoảng cuối tháng 12/2015, ông B có gọi điện cho V xuống lấy tiền nhưng V nói bận chưa xuống được. Ngày 04/1/2016, V đến nhà ông B thu số tiền **36.630.000** đồng sau khi đã trừ chiết khấu 2% với số tiền là 2.200.000 đồng, ông B có yêu cầu V viết và ký nhận vào sau biên bản đối chiếu công nợ.

Trong tháng 12/2015, ông D có gọi điện cho V xuống nhà lấy tiền 02 lần với tổng số tiền là **56.015.000** đồng, V có cho lại **cháu ông D** 100.000 đồng và ông D có đưa giấy cho V ký xác nhận.

Cũng trong tháng 12/2015, anh D1 (là người có trách nhiệm thu tiền của các hộ dân theo Hợp đồng mà Công ty đã ký với ông Nguyễn Ngọc B1) có điện cho V xuống nhà lấy tiền 02 lần với tổng số tiền là **42.700.000** đồng, V cho lại **con ông D1** 100.000 đồng. Vào ngày 10/3/2016, lúc này V đang đi công việc ở xã Bàu Cạn, V có điện hỏi anh D1 thu tiền hết chưa, anh D1 bảo thu xong rồi, chú vào lấy. Sau đó anh D1 hẹn V ở quán nước tại đường Hùng Vương trước Phòng giáo dục huyện P. Tại đây anh D1 đưa cho V số tiền **7.570.000** đồng, V có cho lại **ông D1** 1.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mà V đã thu của các hộ trên là: 141.715.000 đồng (Sau khi đã trừ đi số tiền V đã trích lại cho ông D 1.000.000 đồng, cho lại cháu ông D 100.000 đồng và con ông D1 100.000 đồng).

V khai nhận trước khi thu tiền của các ông D1, ông D, ông B thì do thấy việc đầu tư bán hàng đa cấp có lợi nhuận cao nên V nảy sinh ý định lấy số tiền bán

phân để đầu tư bán hàng đa cấp. Do đó, V đã trực tiếp nhận tiền từ ông D1, ông D và ông B rồi nộp hết cho một người đàn ông tên Hồng là người của Công ty Liên kết viết để đầu tư đa cấp và bị công ty này lừa đảo mất hết. Còn số tiền thu của ông D1 lần cuối cùng là sử dụng tiêu xài cá nhân. Các giấy tờ V nộp cho ông Hồng nay đã mất hết. Bản thân V cũng không biết rõ lai lịch, nơi cư trú của ông Hồng. Do đó khi anh T1 điện hỏi V thì V không có tiền nên tìm cách lẩn tránh và không liên lạc.

Ngày 26, 31/10/2017 và ngày 20/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P nhận được đơn tố giác của ông Rmah D, Rơ Mah D1 và ông Hồ Văn B tố cáo ông Trần Quang V có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho 03 bị hại với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (Bồi thường mỗi người 20.000.000 đồng). Bị hại ông Rơ Mah D yêu cầu bị cáo Trần Quang V phải trả tiếp cho ông số tiền còn lại là 35.915.000 đồng. Bị hại Rơ Mah D1 yêu cầu bị cáo phải trả tiếp cho ông số tiền còn lại là 29.170.000 đồng. Bị hại Hồ Văn B yêu cầu bị cáo phải trả tiếp cho ông số tiền còn lại là 16.630.000 đồng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng 33/CT-VKS, ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Quang V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản” theo quy định tại Điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Quang V từ 3 đến 4 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 36/2020/HSST ngày 23/7/2020 của TAND tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Trần Quang V phải chịu hình phạt chung từ 16 đến 17 năm tù.

Buộc bị cáo Trần Quang V phải bồi thường cho ông Rơ Mah D số tiền là 35.915.000 đồng, bồi thường cho ông Rơ Mah D1 số tiền là 29.170.000 đồng, bồi thường cho ông Hồ Văn B số tiền là 16.630.000 đồng

Buộc bị cáo Trần Quang V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, những người bị hại vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt, những người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về dân sự, Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo uỷ quyền của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và yêu cầu gì.

Bị cáo Trần Quang V thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp được thu thập hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Trong các năm 2015 và 2016, Trần Quang V giới thiệu các hộ dân, trong đó có ông Rơ Mah D, Rơ Mah D1 và Hồ Văn B mua phân bón của Công ty C. Trần Quang V biết rõ mình không có quyền thu tiền bán phân bón cho các ông D, D1 và B nhưng V đã thông qua việc giới thiệu mua phân bón chủ động gọi điện thoại đơn đốc thu tiền và trực tiếp xuống nhà các hộ dân thu tiền của ông Hồ Văn B số tiền là 36.630.000 đồng, thu của ông Rơ Mah D số tiền 55.915.000 đồng (02 lần), thu của ông Rơ Mah D1 số tiền 49.170.000 đồng (03 lần). Tổng số tiền Trần Quang V đã trực tiếp thu và thực nhận của các ông Rơ Mah D, Rơ Mah D1 và Hồ Văn B sau khi đã trừ chiết khấu là 141.715.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Trần Quang V không nộp lại cho Công ty C mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Hành vi của Trần Quang V dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 36.630.000 đồng của ông Hồ Văn B, chiếm đoạt 50.270.000 đồng của ông Rơ Mah D1, chiếm đoạt 56.015.000 đồng của ông Rơ Mah D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015. Tổng giá trị tài sản mà Trần Quang V đã chiếm đoạt là 141.715.000 đồng, do vậy, tội phạm mà bị cáo V đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất của tội phạm

Bị cáo Trần Quang V nhận thức được bản thân không được thu tiền của các ông Rơ Mah D, Rơ Mah D1, Hồ Văn B, nhưng vì vụ lợi cá nhân mong muốn có tiền để phục vụ mục đích cá nhân, bị cáo V đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các ông D, D1 và B. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không những xâm phạm trực tiếp vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn tác động trực tiếp đến sự ổn định về việc phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, thuộc trường hợp nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm khắc.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong lần phạm tội, bị xét xử lần này, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại. Trong quá trình tại ngũ, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định

tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo đã chiếm đoạt tiền của ba người khác nhau vào thời gian khác nhau với số tiền chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như đảm bảo nhiệm vụ công tác phòng chống tội phạm.

Bị cáo Trần Quang V hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số theo Bản án số 36/2020/HSST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án số 36/2020/HSST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung

[6] Về dân sự:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, những người bị hại là ông Rơ Mah D, ông Rơ Mah D1, ông Hồ Văn B yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp gây ra thiệt hại cho ông D 55.915.000 đồng, ông D1 49.170.000 đồng và cho ông Ban 36.630.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho các ông D, D1 và B mỗi người 20.000.000 đồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của những người bị hại buộc bị cáo Trần Quang V phải bồi thường cho ông Rơ Mah D số tiền là 35.915.000 đồng, bồi thường cho ông Rơ Mah D1 số tiền là 29.170.000 đồng, bồi thường cho ông Hồ Văn B số tiền là 16.630.000 đồng

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Quang V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Trần Quang V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tổng hợp hình phạt 13 (mười ba) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HSST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Trần Quang V phải chịu hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ 01 (một) năm 10 (mười) tháng 28 (hai mươi tám ngày) bị cáo đã chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2021.

Căn cứ Điều 46 của của Bộ luật hình sự 2015; các điều 357, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo Trần Quang V phải bồi thường cho ông Rơ Mah D 35.915.000 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng)

Buộc bị cáo Trần Quang V bồi thường cho ông Rơ Mah D1 29.170.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)

Buộc bị cáo Trần Quang V bồi thường cho ông Hồ Văn B 16.630.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng)

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc bị cáo Trần Quang V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.085.750 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng